

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~988~~6/BKHĐT-QLĐT
V/v đề nghị góp ý Dự thảo Thông tư
quy định chi tiết về kế hoạch tổng
thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa
chọn nhà thầu

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố;
- Các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam;
- Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam.



Để bảo đảm thực hiện Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Thông tư quy định chi tiết về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thay thế Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Để hoàn thiện dự thảo Thông tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến về dự thảo Thông tư, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 08/12/2023** (đồng thời gửi file văn bản về địa chỉ email: chinhsachdauthau@mpi.gov.vn).

(Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Phương (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ KH&ĐT (để đăng tải Dự thảo);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để góp ý);
- Lưu: VT, QLĐT (HB)

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Anh Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ KẾ HOẠCH TỔNG THỂ LỰA CHỌN NHÀ
THẦU, KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu, dự án quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, trừ gói thầu mua thuốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. Cụ thể như sau:

1. Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 01A);
2. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 01B);
3. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 01C);
4. Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 02A);
5. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 02B);
6. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Mẫu số 02C);

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với các gói thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là điều ước quốc tế), thỏa thuận vay nước ngoài thì trình tự, trách nhiệm trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay không có quy định về lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì hoạt động lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu áp dụng quy định của Thông tư này.

Điều 4. Điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh.

2. Trường hợp việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu có nội dung không phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định và không phải điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc khác đã được phê duyệt trước đó.

4. Gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu đã duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không lựa chọn được nhà thầu, phải tổ chức đấu thầu lại thì không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt.

Điều 5. Đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu) có trách nhiệm tự đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để làm bên mời thầu thì chủ đầu tư vẫn phải có trách nhiệm đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu tư vấn đấu thầu đăng tải thông tin thay cho chủ đầu tư thì nhà thầu tư vấn sẽ bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày đăng tải thông tin.

2. Chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư có trách nhiệm tự đăng tải nội dung điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

3. Đối với dự toán mua sắm, khi áp dụng Thông tư này, thay cụm từ “dự án” bằng “dự toán mua sắm”.

4. Đối với những dự án, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công khai thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật nhà nước.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2024 chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, nếu không phù hợp với Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho phù hợp.

2. Đối với hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ, Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lập kế hoạch đấu thầu và các Thông tư hướng dẫn liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Thông tư này thay thế Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lập kế hoạch đầu thầu.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT ().

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số /2024/TT-BKHĐT ngày.....)

MỤC 1. BIỂU MẪU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TỔNG THỂ

Mẫu số 01A. Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu
[TÊN CƠ QUAN TRÌNH⁽¹⁾] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

dự án: _____[ghi tên dự án]

Kính gửi: _____[ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023];

Căn cứ _____[Nghị định số... /2023/NĐ-CP ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____[ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu], bao gồm:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có);
- Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có);
- Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có);
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên cơ quan trình] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

[Báo cáo các nội dung chính tại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác liên quan (nếu có)]

1. Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
2. Bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu;
3. Năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án;
4. Phân tích, tham vấn thị trường;
5. Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu;
6. Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu;
7. Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính;
8. Dự kiến phân chia gói thầu và nội dung, phạm vi công việc chủ yếu của từng gói thầu;

9. Dự kiến các nội dung của từng gói thầu, gồm:

- Tên gói thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Đấu thầu trong nước/đấu thầu quốc tế;
- Áp dụng lựa chọn danh sách ngắn/không áp dụng;
- Dự kiến giá gói thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Loại hợp đồng.

III. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên cơ quan trình]* đề nghị *___[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án: *___[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN
TRÌNH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ thẩm định;
- Lưu VT.

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp xác định được chủ đầu tư thì cơ quan trình là chủ đầu tư; trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì cơ quan trình là cơ quan chuẩn bị dự án.

Gói thầu hỗn hợp									
---------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Năm hiện tại là năm N. Căn cứ tình hình thực tế đã triển khai hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, chủ đầu tư thống kê các gói thầu đã triển khai thực hiện trong vòng từ 3 đến 5 năm.

- Tỷ lệ % số gói thầu có kiến nghị về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu (nêu rõ kiến nghị về hồ sơ mời thầu) và tỷ lệ % số gói thầu có kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu theo Bảng sau:

Bảng số 2- Tình hình kiến nghị của nhà thầu

Năm (1)	Số lượng nhà thầu kiến nghị về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu
N-1		
N-2		
N-3		
N-4		
N-5		

Ghi chú:

(1) Năm hiện tại là năm N. Căn cứ tình hình thực tế đã triển khai hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, chủ đầu tư thống kê các gói thầu đã triển khai thực hiện trong vòng từ 3 đến 5 năm.

3. Phân tích, tham vấn thị trường:

[Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số....]

[Khi thực hiện phân tích, tham vấn thị trường, chủ đầu tư có thể tổng hợp danh sách nhà thầu có khả năng tham dự như sau:]

Bảng 3 - Danh sách các nhà thầu tiềm năng

STT	Hạng mục của gói thầu	Số lượng nhà thầu đã trúng thầu hạng mục tương ứng

4. Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu:

[Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số....]

5. Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu:

[Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số....]

6. Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu

a) Cơ sở phân chia gói thầu, số lượng gói thầu và phạm vi công việc của từng gói thầu:

[Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định số....]

Bảng 4 - Tổng hợp kế hoạch tổng thể các gói thầu của dự án

T T	Tên gói thầu u	Giá gói thầu	Gói thầu chia phần/ không chia phần	Áp dụng mua sắm tập trung/ không áp dụng	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phươn g thức lựa chọn nhà thầu	Áp dụng lựa chọn danh sách ngắn/ không áp dụng	Đấu thầu trong nước/ đấu thầu quốc tế	Loại hợp đồng

b) Nội dung cần lưu ý trong soạn thảo hồ sơ mời thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có):

7. Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu:

[Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số....]

Bảng 5 - Kế hoạch thực hiện các công việc chính, các gói thầu

STT	Nội dung công việc, tên gói thầu	Đơn vị/bộ phận chủ trì	Tiến độ hoàn thành		
			Tháng /tuần ...	Tháng /tuần ...	Tháng /tuần ...

1	Gói thầu cung cấp hàng hóa M: - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Phê duyệt hồ sơ mời thầu - Tổ chức lựa chọn nhà thầu - Đánh giá hồ sơ dự thầu - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - Hoàn thiện, ký kết hợp đồng - Thực hiện hợp đồng	Đơn vị A			
2	Gói thầu....				

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN TRÌNH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 2
BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO
(Đính kèm cùng tờ trình phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án	Bản chụp
2	Quyết định phê duyệt dự án (nếu có)	Bản chụp
3	Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án	Bản chụp
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)	Bản chụp
5	Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có)	Bản chụp
...	...	
n	<i>Các văn bản pháp lý liên quan</i>	Bản chụp

Mẫu số 01B. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

[CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN]
[TỔ THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____ ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023];
- Căn cứ _____ [Nghị định số _____ /2023/NĐ-CP ngày _____ của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [ghi tên tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu] về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [ghi tên tổ thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án] từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] đến ngày _____ tháng _____ năm _____ [ghi ngày có báo cáo thẩm định] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án:

[Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:]

- a) Tên dự án;
- b) Tổng mức đầu tư;
- c) Nguồn vốn;
- d) Tên chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu:

[Tổ thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của chủ đầu tư, bao gồm các nội dung như sau:]

- a) Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- b) Bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu;
- c) Năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án;
- d) Phân tích, tham vấn thị trường;
- đ) Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu;
- e) Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu;
- g) Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu;
- h) Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu.

3. Tổ thẩm định:

[Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.]

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu:

- a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án		
2	Quyết định phê duyệt dự án (nếu có)		
3	Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)		
5	Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có)		
6	Các văn bản pháp lý liên quan		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày ký, phê duyệt văn bản.
- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ thẩm định nhận được.
- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: [căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu:

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

3. Năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

4. Phân tích, tham vấn thị trường

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

5. Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

6. Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

7. Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

8. Dự kiến phân chia gói thầu và nội dung, phạm vi công việc chủ yếu của từng gói thầu

[Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét.]

9. Các nội dung của từng gói thầu

a) [Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét về các nội dung của từng gói thầu theo **Bảng số 2** dưới đây:]

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH TỔNG THỂ LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không

		(2)	phù hợp (3)
1	Gói thầu số 1		
	Tên gói thầu		
	Hình thức lựa chọn nhà thầu		
	Phương thức lựa chọn nhà thầu		
	Áp dụng lựa chọn danh sách ngắn/không áp dụng		
	Đấu thầu trong nước/đấu thầu quốc tế		
	Giá gói thầu (dự kiến)		
	Thời gian thực hiện gói thầu		
	Loại hợp đồng		
2	Gói thầu số 2		
			

Ghi chú:

- Cột số (2): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả rà soát về nội dung kế hoạch tổng thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của tổ thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án.

- Cột số (3): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả rà soát về nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu của tổ thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan hoặc không phù hợp với dự án đã được phê duyệt.

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: ____ [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, tổ thẩm định đưa ra những ý kiến nhận xét về nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan, yêu cầu của dự án và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).

Đối với nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

b) [Tổ thẩm định có ý kiến nhận xét về các nội dung còn lại thuộc quản lý công tác lựa chọn nhà thầu.]

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

a) Nhận xét chung:

[Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, tổ thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.]

b) Ý kiến bảo lưu:

[Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên tổ thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nếu không có thì ghi: Không có.]

2. Đề xuất và kiến nghị

a) [Trường hợp nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:]

Trên cơ sở tờ trình của ____ [ghi tên chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ____ [ghi tên tổ thẩm định] đề nghị ____ [ghi tên người có thẩm quyền]: Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án ____ [ghi tên dự án].

b) [Trường hợp tổ thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết tại điểm này để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định].

c) Các lưu ý trong việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ THẨM ĐỊNH]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan trình;
- Lưu: VT.

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

PHỤ LỤC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số__ ngày__ tháng__ năm__)

**BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA DỰ ÁN:...**

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu	Bản chính/Bản chụp
2	Văn bản của tổ thẩm định đề nghị chủ đầu tư bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
3	Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của chủ đầu tư (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
4	Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
5	Biên bản họp thẩm định của tổ thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
6	Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc tổ thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
7	- Danh sách các thành viên tham gia tổ thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); - Các chứng chỉ liên quan khác (nếu có).	
8	Các tài liệu có liên quan khác.	

Mẫu số 01C. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

[GHI TÊN CƠ QUAN CỦA
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

dự án: _____[ghi tên dự án]

_____[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

- Căn cứ _____[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023];
- Căn cứ _____[Nghị định số _____/2023/NĐ-CP ngày _____ của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____[căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____[ghi ngày, tháng, năm] của _____[ghi tên tổ thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____[ghi tên dự án];

Theo đề nghị của _____[ghi tên chủ đầu tư] tại văn bản tờ trình số _____[ghi số hiệu tờ trình] ngày _____[ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____[ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án: _____[ghi tên dự án] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. [Ghi tên chủ đầu tư] chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [ghi tên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

dự án: ____ [ghi tên dự án]

(Ban hành kèm theo Quyết định số....ngày...tháng..năm của....)

I. Mô tả tóm tắt dự án

[Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:]

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (dự kiến)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Áp dụng DSN/ không áp dụng DSN	Thời gian tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
1										
2										

Ghi chú: Tại cột hình thức lựa chọn nhà thầu, ghi rõ đề xuất đấu thầu quốc tế hoặc đấu thầu trong nước.

Mục 2. BIỂU MẪU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Mẫu số 02A. Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
2. Mẫu số 02B. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
3. Mẫu số 02C. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Mẫu số 02A. Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: _____[ghi tên dự án]

Kính gửi: _____[ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____[Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2013];

Căn cứ _____[Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____[ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Quyết định phê duyệt dự án (nếu có);
- Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án;
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có);
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện. Nội dung các cột như sau:

- (1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.
- (2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.
- (3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.
- (4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Nội dung các cột như sau:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 3

TT	Tên chủ đầu tư (1)	Tên gói thầu (2)		Giá gói thầu (3)	Nguồn vốn (4)	Hình thức LCNT (5)	Phương thức LCNT (6)	Thời gian tổ chức LCNT (7)	Loại hợp đồng (8)	Thời gian thực hiện gói thầu (9)	Tùy chọn mua thêm (10)	Giám sát hoạt động đấu thầu (11)
		2.1 Tên gói thầu	2.2. Nội dung công việc chính của gói thầu									
1												
2												
Tổng giá gói thầu												
[kết chuyển sang Bảng số 5]												

Ghi chú:

Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Trong phần này, phải nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu (nếu có). Nghiêm cấm việc chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu. Nội dung các cột như sau:

(1) Tên chủ đầu tư:

Điền tên chủ đầu tư vào cột 1. Đối với gói thầu thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì ghi tên đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

(2) Tên gói thầu:

Ghi tên gói thầu vào cột 2.1; ghi rõ phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột 2.2. Ví dụ:

Tên gói thầu: “Mua sắm thiết bị y tế” hoặc “mua sắm máy chụp CT”.

Phạm vi công việc chính của gói thầu: Mua sắm 5 máy chụp CT 256 dãy.

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(3). Giá gói thầu:

a. Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng (chi phí dự phòng trượt giá, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng), phí, lệ phí và thuế. Đối với gói thầu xây lắp áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng điều chỉnh giá, chi phí dự phòng bao gồm các khoản tạm tính (nếu có) và chỉ được sử dụng khi có phát sinh xảy ra. Đối với các gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu ngắn (dưới 12 tháng), ít có khả năng phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính bằng không. Chi phí dự phòng do chủ đầu tư xác định theo tính chất từng gói thầu nhưng không được vượt mức tối đa theo quy định của pháp luật (nếu có). Trường hợp pháp luật có quy định hàng hóa thuộc đối tượng được miễn thuế thì giá gói thầu không bao gồm các khoản thuế được miễn. Giá gói thầu có thể được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì nêu rõ giá trị ước tính của từng phần.

b. Giá gói thầu được lập căn cứ theo một trong các thông tin sau:

(i) Dự toán được duyệt (nếu có) trong trường hợp pháp luật có quy định về việc lập dự toán hoặc có hướng dẫn về định mức, đơn giá. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập dự toán, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin sau: giá trung bình theo thống kê của các dự án, gói thầu đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; ước tính tổng mức đầu tư theo định mức suất đầu tư, dự toán mua sắm; sơ bộ tổng mức đầu tư; định mức lương chuyên gia và số ngày công; các thông tin liên quan khác;

(ii) Nội dung và phạm vi công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, mức lương chuyên gia theo quy định của pháp luật (nếu có) và các yếu tố khác;

(iii) Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng chủng loại hàng hóa hoặc dịch vụ trong vòng 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm hoặc giá thị trường của hàng hóa hay dịch vụ cần mua sắm. Giá thị trường tại thời điểm mua sắm được tham khảo từ các nguồn thông tin do cơ quan có thẩm quyền, tổ chức công bố được khai thác qua mạng Internet. Trường hợp trong khoảng thời gian 12 tháng trước ngày trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, không có kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự của các năm trước đó, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm, giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm. Khi trình phê duyệt kế hoạch

lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đính kèm danh sách kết quả lựa chọn các hàng hóa, dịch vụ tương tự trích xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có);

(iv) Báo giá của hàng hóa, dịch vụ, tối thiểu là 01 báo giá. Khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì lấy giá trung bình của các báo giá;

(v) Kết quả thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá hoặc của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá thì kết quả thẩm định giá là căn cứ bắt buộc để xác định giá gói thầu;

(vi) Giá kê khai, niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp;

c. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin về giá trung bình theo thống kê của các dự án đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; ước tính tổng mức đầu tư theo định mức suất đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư;

d. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì nêu rõ giá trị ước tính của từng phần.

đ. Đơn vị lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu xem xét yếu tố đấu thầu bền vững, sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường để xây dựng giá gói thầu.

Trường hợp tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp, nhà nước thay đổi chính sách thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa của gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp.

(4). Nguồn vốn:

Đối với gói thầu thuộc dự toán, dự toán mua sắm được xác định từ dự toán phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính trừ đi giá trị phần công việc đã thực hiện và phần kinh phí không dùng để mua sắm trong năm tài chính theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số.../2023/NĐ-CP.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ theo dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn này.

Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm tài chính, dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo và được lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đồng thời cho năm tài chính và các năm tiếp theo. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm bố trí đầy đủ kinh phí để thanh toán hợp đồng trong từng năm.

(5). Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- a. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, trừ các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h Khoản này;
- b. Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài
- c. Chỉ định thầu được áp dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Luật Đấu thầu; đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Đấu thầu
- d. Chào hàng cạnh tranh được áp dụng theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu;
- đ. Mua sắm trực tiếp được áp dụng theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư cần giải trình sự phù hợp hơn so với khi áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác;
- e. Tự thực hiện được áp dụng theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng hình thức tự thực hiện, chủ đầu tư cần giải trình sự phù hợp hơn so với khi áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác;
- g. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng khi gói thầu xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này. Trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thì người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi Ủy ban Thường vụ quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu;
- h. Tham gia thực hiện của cộng đồng được áp dụng theo quy định tại Điều 27 Luật Đấu thầu.
- i. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Nghị định số.../NĐ-CP; đối với đấu giá ngược và E-shopping, thực hiện theo quy định tại Điều 97, Điều 101 Nghị định số .../NĐ-CP.

(6) Phương thức lựa chọn nhà thầu

- a. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Đấu thầu như sau:

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này;

- Chào hàng cạnh tranh theo quy trình thông thường, rút gọn đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp;

- Chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; trường hợp gói thầu áp dụng theo quy trình chỉ định thầu rút gọn thì không ghi nội dung này;

- Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

b. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng theo khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu, bao gồm:

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

c. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đầy đủ cho gói thầu tại thời điểm tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đấu thầu;

d. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có kỹ thuật, công nghệ mới, phức tạp, có tính đặc thù mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đầy đủ cho gói thầu tại thời điểm tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đấu thầu.

(7). Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu và tổng thời gian lựa chọn nhà thầu.

a. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là thời gian dự kiến phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (ghi theo tháng hoặc quý trong năm). Trường hợp đấu thầu rộng rãi có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển.

b. Tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu là số ngày tối đa tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả thời gian thẩm định). Trường hợp cần thiết, có thể ghi riêng thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, thời gian thẩm định.

(8). Loại hợp đồng:

Đối với từng gói thầu cụ thể, căn cứ quy mô, tính chất gói thầu, chủ đầu tư quy định loại hợp đồng áp dụng cho phù hợp để làm căn cứ lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng. Một gói thầu có thể được thực hiện theo một hoặc nhiều hợp đồng; trong một hợp đồng có thể áp dụng một hoặc nhiều loại hợp đồng quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản này. Trường hợp áp dụng nhiều loại hợp đồng thì phải quy định rõ loại hợp đồng tương ứng với từng nội dung công việc cụ thể.

a. Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả hợp đồng EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay;

b. Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành.

c. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định.

d. Hợp đồng theo thời gian có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định được phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ.

đ. Hợp đồng theo chi phí cộng phí được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng.

e. Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác.

g. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

h. Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Khi áp dụng hợp đồng hỗn hợp, trong tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ.

(9). Thời gian thực hiện gói thầu

Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, trừ thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có). Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

(10). Tùy chọn mua thêm

Đối với gói thầu áp dụng đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá, trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm sau khi nhà thầu trúng thầu. Khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng của gói thầu.

Trường hợp tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm, nhà nước thay đổi chính sách thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa, dịch vụ thuộc tùy chọn mua thêm không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa, dịch vụ trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm.

(11). Giám sát hoạt động đấu thầu

Đối với gói thầu áp dụng giám sát, ghi rõ đơn vị có thẩm quyền giám sát hoạt động đấu thầu theo quy định tại Điều 124 Nghị định số .../2023/NĐ-CP, kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ.

Đối với gói thầu không áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu, ghi rõ “không áp dụng” trong cột giám sát hoạt động đấu thầu. Trường hợp không áp dụng giám sát đối với gói thầu cụ thể, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc Bộ, ngành, địa phương vẫn thực hiện giám sát thường xuyên đối với hoạt động đấu thầu theo Điều 125 Nghị định số .../2023/NĐ-CP. Thẩm quyền giám sát thường xuyên đối với hoạt động đấu thầu thực hiện như sau:

- Đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu do Bộ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập thực hiện giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với tất cả gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm, dự án đầu tư kinh doanh do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương là người có thẩm quyền hoặc quản lý, trừ gói thầu, dự án do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu. Thành phần đơn vị giám sát này thực hiện như đối với hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương thành lập.

- Đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập thực hiện giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ gói thầu, dự án do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu và gói thầu, dự án do đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu thực hiện giám sát. Thành phần đơn vị giám

sát này thực hiện như đối với hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập.

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a. Cơ sở phân chia các gói thầu: [giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b. Giá gói thầu;

c. Nguồn vốn;

d. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ. Thời gian trong lựa chọn nhà thầu (bao gồm thời gian bắt đầu, tổng thời gian lựa chọn nhà thầu);

e. Loại hợp đồng;

g. Thời gian thực hiện gói thầu.

h. Tùy chọn mua thêm;

i. Giám sát hoạt động đấu thầu.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị ____ *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ____ *[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH
 (Kèm theo Tờ trình số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)
BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án	Bản chụp
2	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán hoặc tài liệu thể hiện nguồn vốn cho lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Bản chụp
	Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1	Bản chụp
...		
n		

Mẫu số 02B. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN]
[TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____ ngày _____ tháng _____ năm _____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2013];
- Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [ghi tên tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án] từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] đến ngày _____ tháng _____ năm _____ [ghi ngày có báo cáo thẩm định] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án:

Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:

- a) Tên dự án;
- b) Tổng mức đầu tư;
- c) Nguồn vốn;
- d) Tên chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ____ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ____ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ____ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ____ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ____ [bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án: ____ [ghi giá trị].

3. Tổ chức thẩm định:

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ chức thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1			
STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án (nếu có)</i>		
2	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có) ;</i>		
3	<i>Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)</i>		
4	<i>Các văn bản pháp lý liên quan</i>		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày ký, phê duyệt văn bản.
- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định nhận được.
- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: [căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: [tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: [tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): [tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu];

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp (2)	Không tuân thủ hoặc không phù hợp (3)
1	Tên gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu		
5	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (bao gồm thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu và tổng thời gian lựa chọn nhà thầu)		

6	Loại hợp đồng		
7	Thời gian thực hiện gói thầu		
8	Tùy chọn mua thêm		
9	Giám sát hoạt động đấu thầu		

Ghi chú:

- Cột số (2): đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án.

- Cột số (3): đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: [tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) có bằng tổng mức đầu tư hay không và nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc trong từng trường hợp cụ thể (nếu cần thiết), tổ chức thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của các gói thầu thuộc dự án theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Kiến nghị

a) Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ____ [ghi tên chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ____ [ghi tên tổ chức thẩm định] đề nghị ____ [ghi tên người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ____ [ghi tên dự án].

- Cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện đối với gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu[1].

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết tại điểm này để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
 (Kèm theo Báo cáo thẩm định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)
BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bản chính/Bản chụp
2	Văn bản của tổ chức thẩm định đề nghị chủ đầu tư bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
3	Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của chủ đầu tư (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
4	Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
5	Biên bản họp thẩm định của tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
6	Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
7	- Danh sách các thành viên tham gia tổ chức thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); - Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu của các thành viên trong tổ chức thẩm định; - Các chứng chỉ liên quan khác (nếu có).	
8	Các tài liệu có liên quan khác.	

Mẫu số 02C. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

[GHI TÊN CƠ QUAN
CỦA NGƯỜI CÓ THẨM
QUYỀN]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: ____ [ghi tên dự án]

____ [GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2013];

Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày ____ [ghi ngày, tháng, năm] của ____ [ghi tên tổ chức thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ____ [ghi tên dự án];

Theo đề nghị của ____ [ghi tên chủ đầu tư] tại văn bản tờ trình số ____ [ghi số hiệu tờ trình] ngày ____ [ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ____ [ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ____ [ghi tên dự án] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm [2].

Điều 2. [Ghi tên chủ đầu tư] chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

[Ghi tên tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này [3].

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [ghi tên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN: _____[ghi tên dự án]

(kèm theo Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____)

[illegible]

DANH SÁCH GỬI DỰ THẢO LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO THÔNG TƯ

TT	ĐƠN VỊ	
1	Văn phòng TW Đảng	
2	Văn phòng Quốc hội	
3	Văn phòng Chính phủ	
4	Văn phòng Chủ tịch nước	
5	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	
6	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội VN	
7	Bộ Công an	
8	Bộ Công thương	
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
10	Bộ Giao thông vận tải	
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	
12	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
13	Bộ Ngoại giao	
14	Bộ Nội vụ	
15	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
16	Bộ Quốc Phòng	
17	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
18	Bộ Thông tin và Truyền thông	
19	Bộ Tư pháp	
20	Bộ Văn hoá- Thể thao và Du lịch	
21	Bộ Xây dựng	
22	Bộ Y Tế	
23	Bộ Tài chính	
24	Ủy ban quản lý vốn nhà nước	
25	Ủy ban Dân tộc	
26	Đài Truyền hình VN	
27	Đài Tiếng nói VN	
28	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	
29	Thông tấn xã Việt Nam	
30	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
31	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	
32	Toà án nhân dân tối cao	

33	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
34	Kiểm toán Nhà nước	
35	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
36	Thanh tra Chính phủ	
37	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	
38	UBND TP. Hồ Chí Minh	
39	UBND TP. Hải Phòng	
40	UBND TP. Đà Nẵng	
41	UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
42	UBND tỉnh Bắc Giang	
43	UBND tỉnh Bắc Ninh	
44	UBND tỉnh Bến Tre	
45	UBND tỉnh Bình Định	
46	UBND tỉnh Bình Phước	
47	UBND tỉnh Bình Thuận	
48	UBND tỉnh Cao Bằng	
49	UBND tỉnh Đắk Lắk	
50	UBND tỉnh Đắk Nông	
51	UBND tỉnh Điện Biên	
52	UBND tỉnh Đồng Tháp	
53	UBND tỉnh Gia Lai	
54	UBND tỉnh Hà Giang	
55	UBND tỉnh Hà Nam	
56	UBND tỉnh Hà Tĩnh	
57	UBND tỉnh Hậu Giang	
58	UBND tỉnh Hòa Bình	
59	UBND tỉnh Hưng Yên	
60	UBND tỉnh Kiên Giang	
61	UBND tỉnh Kon Tum	
62	UBND tỉnh Lâm Đồng	
63	UBND tỉnh Lạng Sơn	
64	UBND tỉnh Lào Cai	
65	UBND tỉnh Long An	
66	UBND tỉnh Nghệ An	

67	UBND tỉnh Ninh Bình	
68	UBND tỉnh Ninh Thuận	
69	UBND tỉnh Phú Thọ	
70	UBND tỉnh Phú Yên	
71	UBND tỉnh Quảng Bình	
72	UBND tỉnh Quảng Ngãi	
73	UBND tỉnh Quảng Ninh	
74	UBND tỉnh Quảng Trị	
75	UBND tỉnh Sóc Trăng	
76	UBND tỉnh Sơn La	
77	UBND tỉnh Tây Ninh	
78	UBND tỉnh Thái Bình	
79	UBND tỉnh Thái Nguyên	
80	UBND tỉnh Thanh Hóa	
81	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	
82	UBND tỉnh Tiền Giang	
83	UBND tỉnh Trà Vinh	
84	UBND tỉnh Tuyên Quang	
85	UBND tỉnh Vĩnh Long	
86	UBND tỉnh Yên Bái	
87	UBND TP. Hà Nội	
88	UBND TP. Cần Thơ	
89	UBND tỉnh An Giang	
90	UBND tỉnh Bắc Kạn	
91	UBND tỉnh Bạc Liêu	
92	UBND tỉnh Bình Dương	
93	UBND tỉnh Cà Mau	
94	UBND tỉnh Đồng Nai	
95	UBND tỉnh Hải Dương	
96	UBND tỉnh Khánh Hòa	
97	UBND tỉnh Lai Châu	
98	UBND tỉnh Nam Định	
99	UBND tỉnh Quảng Nam	

100	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	
101	Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN	
102	Tập đoàn Dầu khí VN	
103	Tập đoàn Hoá chất VN	
104	Tổng Công ty Hàng hải	
105	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	
106	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	
107	Tổng Công ty thuốc lá	
108	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN	
109	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN	
110	Tập đoàn Dệt may VN	
111	Tập đoàn Điện lực VN	
112	Tập đoàn viễn thông Quân đội VN	
113	Tổng công ty Cà phê VN	
114	Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy VN	
115	Tổng Công ty đường sắt VN	
116	Tổng công ty Giấy VN	
117	Tổng công ty Lương thực Miền Bắc	
118	Tổng công ty Lương thực Miền Nam	
119	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	
120	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	
121	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	
122	Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam	
123	Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam	
124	Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam	
125	Hiệp hội Doanh nghiệp dược Việt Nam	
126	Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam	
127	Hội Thiết bị y tế Việt Nam	
128	Hiệp hội nhà đầu tư công trình giao thông Việt Nam	